

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH NGHỆ THUẬT: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Tào Ngọc Biên
Trường Đại học VH, TT&DL Thanh Hóa

Tóm tắt: Trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày càng khẳng định vai trò thiết yếu trong việc chuyển đổi phương thức giáo dục hiện đại. Đối với các ngành nghệ thuật – lĩnh vực vốn đề cao cảm xúc, sáng tạo và tính cá nhân – sự xuất hiện của AI không chỉ là một yếu tố kỹ thuật mà còn là chất xúc tác cho tư duy đổi mới. Bài viết phân tích những ứng dụng nổi bật của AI trong giáo dục nghệ thuật, chỉ ra các cơ hội mà công nghệ này mang lại, đồng thời nhận diện những thách thức trong bối cảnh Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp khả thi nhằm tích hợp AI một cách hiệu quả, bền vững vào quá trình đào tạo nghệ thuật.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo, giáo dục nghệ thuật, sáng tạo, chuyển đổi số, bản quyền công nghệ.

APPLICATION OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE (AI) IN ARTS EDUCATION: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES

Tao Ngoc Bien
Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Abstract: Artificial Intelligence (AI) is increasingly asserting its essential role in transforming modern educational methods. In the field of the arts—which inherently values emotion, creativity, and individuality—the emergence of AI is not merely a technical factor but also a catalyst for innovative thinking. This article analyzes prominent applications of AI in arts education, highlights the opportunities that this technology offers, and identifies the challenges within the context of Viet Nam. Based on this analysis, the author proposes feasible solutions to effectively and sustainably integrate AI into the arts training process.

Keywords: artificial intelligence, arts education, creativity, digital transformation, technology copyright.

Nhận bài: 12/3/2025

Phản biện: 27/3/2025

Duyệt đăng: 30/3/2025

I. MỞ ĐẦU

Trí tuệ nhân tạo (AI) đã và đang tạo ra những thay đổi căn bản trong cách thức tổ chức, quản lý và triển khai hoạt động giáo dục ở mọi cấp học, lĩnh vực (Luckin et al., 2016). Không nằm ngoài xu thế đó, giáo dục nghệ thuật – nơi tưởng như chỉ phù hợp với các yếu tố cảm xúc, trực quan và phi công nghệ – cũng bắt đầu cho thấy sự chuyển mình mạnh mẽ trong thời đại kỹ thuật số. AI không chỉ giúp tái cấu trúc lại phương pháp giảng dạy truyền thống mà còn mở rộng giới hạn sáng tạo của người học, tạo nên một không gian giáo dục nghệ thuật đa chiều và linh hoạt. Bên cạnh đó, AI cũng đặt ra những câu hỏi mới về vai trò của nghệ sĩ trong thời đại công nghệ, về ranh giới giữa sáng tạo con người và sáng tạo máy móc.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Đặc trưng của giáo dục nghệ thuật trong bối cảnh chuyển đổi số

Giáo dục nghệ thuật là một lĩnh vực trong hệ thống giáo dục có mục tiêu phát triển năng lực thẩm mỹ, tư duy sáng tạo, cảm xúc và nhân cách của người học thông qua việc tiếp cận, trải nghiệm và thực hành các loại hình nghệ thuật như âm nhạc, mỹ thuật, múa, sân khấu, điện ảnh, nhiếp

ảnh, thiết kế,... Giáo dục nghệ thuật không chỉ giúp người học nhận thức sâu sắc hơn về cái đẹp, mà còn khơi dậy tiềm năng sáng tạo, khả năng biểu đạt cá nhân, và nâng cao đời sống tinh thần. Trong bối cảnh hiện đại, giáo dục nghệ thuật ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc đào tạo những con người toàn diện, biết cảm nhận, đánh giá và sáng tạo.

Trong môi trường giáo dục đại học, giáo dục nghệ thuật mang những đặc trưng riêng biệt, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Những đặc trưng đó bao gồm:

Tính chuyên môn cao: Giáo dục nghệ thuật ở bậc đại học không chỉ dừng lại ở việc hình thành nhận thức nghệ thuật cơ bản, mà còn tập trung phát triển chuyên sâu năng lực nghệ thuật của người học. Sinh viên được đào tạo theo chuyên ngành cụ thể như sư phạm âm nhạc, hội họa, thiết kế đồ họa, sân khấu điện ảnh... với hệ thống kiến thức lý thuyết vững vàng đi kèm kỹ năng thực hành thành thạo. Các chương trình đào tạo chú trọng việc phát triển cá tính nghệ thuật, phong cách sáng tạo cá nhân và năng lực nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghệ thuật.

Tính thực hành và trải nghiệm: Một trong những đặc điểm nổi bật của giáo dục nghệ thuật trong trường đại học là tính thực hành cao. Sinh viên không chỉ học lý thuyết mà còn được tham gia vào các hoạt động sáng tác, trình diễn, triển lãm, dự án nghệ thuật... dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Quá trình học tập gắn với các trải nghiệm thực tiễn giúp người học nâng cao kỹ năng chuyên môn, làm quen với môi trường nghệ thuật chuyên nghiệp, đồng thời phát triển tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề sáng tạo.

Tính cá nhân hóa và sáng tạo: Giáo dục nghệ thuật đề cao sự khác biệt, cá tính và tư duy độc lập của mỗi sinh viên. Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích bộc lộ cảm xúc, thể hiện quan điểm riêng, sáng tạo ra các tác phẩm mang dấu ấn cá nhân. Việc đánh giá kết quả học tập không đơn thuần dựa vào chuẩn mực cứng nhắc mà linh hoạt theo năng lực và tiến bộ của từng người học.

Tính liên ngành và hội nhập: Trong thời đại số và toàn cầu hóa, giáo dục nghệ thuật trong trường đại học ngày càng mang tính liên ngành, kết nối với các lĩnh vực như công nghệ, truyền thông, xã hội học, tâm lý học... Điều này mở rộng không gian sáng tạo và cơ hội việc làm cho sinh viên. Đồng thời, sinh viên cũng được tiếp cận các xu hướng nghệ thuật đương đại, giao lưu quốc tế, từ đó mở rộng tầm nhìn và nâng cao năng lực hội nhập.

Giáo dục nghệ thuật không chỉ truyền đạt tri thức mà còn bồi dưỡng tư duy thẩm mỹ, khả năng cảm thụ và sáng tạo cá nhân. Đặc điểm này đòi hỏi phương pháp giảng dạy phải linh hoạt, mang tính cá thể hóa cao và đề cao trải nghiệm thực hành (Phan Thị Hằng, 2023). Trong bối cảnh chuyển đổi số, vai trò của nghệ thuật được mở rộng nhờ các công cụ kỹ thuật số, cho phép học viên thể hiện bản thân qua nhiều phương tiện mới như video art, digital painting, thiết kế trải nghiệm, âm nhạc điện tử. Sự kết hợp giữa nghệ thuật và công nghệ không chỉ làm thay đổi cách thức tiếp cận nghệ thuật mà còn làm nảy sinh các hình thái nghệ thuật mới.

2.2. Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục

Khái niệm và vai trò AI là lĩnh vực của khoa học máy tính chuyên về phát triển các hệ thống có khả năng mô phỏng tư duy và hành vi của con người (Anderson, 2019). Trong giáo dục, AI

thường được ứng dụng thông qua các hệ thống học tập cá nhân hóa, trợ lý ảo, phần mềm chấm điểm tự động hoặc các công cụ mô phỏng tương tác. AI không chỉ giúp giáo viên tối ưu hóa việc giảng dạy mà còn tạo điều kiện cho người học phát triển khả năng tư duy độc lập, sáng tạo (McCormack et al., 2019). Một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng AI có khả năng phân tích dữ liệu người học để đưa ra gợi ý về phương pháp tiếp cận tối ưu, từ đó nâng cao kết quả học tập và thúc đẩy động lực nội tại.

2.3. Vai trò của AI trong giáo dục nghệ thuật

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày càng khẳng định vị thế trong nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục nghệ thuật – một lĩnh vực vốn được xem là gắn liền với cảm xúc, sự sáng tạo và bản sắc cá nhân. Sự kết hợp giữa AI và nghệ thuật mở ra nhiều cơ hội mới, đồng thời góp phần thay đổi phương pháp dạy và học nghệ thuật theo hướng hiện đại, linh hoạt và cá nhân hóa hơn.

Thứ nhất, AI hỗ trợ giảng dạy nghệ thuật thông qua các công cụ sáng tạo như phần mềm vẽ tự động, tạo nhạc bằng thuật toán, thiết kế 3D, xử lý hình ảnh, giọng nói,... giúp người học tiếp cận nghệ thuật theo cách mới mẻ, sinh động. Các công cụ này không chỉ hỗ trợ kỹ thuật mà còn khơi gợi cảm hứng sáng tạo, giảm bớt rào cản kỹ năng ban đầu.

Thứ hai, AI cung cấp hệ thống học tập cá nhân hóa, phân tích phong cách học tập, điểm mạnh – yếu của người học để đưa ra gợi ý phù hợp. Điều này đặc biệt hữu ích trong giáo dục nghệ thuật – nơi mỗi người học có khả năng và thiên hướng khác nhau.

Thứ ba, AI giúp đánh giá và phản hồi sản phẩm nghệ thuật một cách khách quan hơn, từ nhận diện mẫu hình, màu sắc, giai điệu đến phân tích cảm xúc biểu đạt. Tuy AI không thay thế được cảm nhận nghệ thuật của con người, nhưng nó hỗ trợ giảng viên trong quá trình hướng dẫn và nhận xét.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng ứng dụng ai trong giáo dục nghệ thuật

Kinh nghiệm quốc tế : Nhiều trường đại học trên thế giới đã đi đầu trong việc tích hợp AI vào các chương trình nghệ thuật. Ví dụ, Đại học New York (NYU) đã phát triển chương trình “Interactive Telecommunications Program” kết hợp nghệ thuật, công nghệ và thiết kế sáng tạo. Các công cụ như DALL•E, Google Magenta,

hoặc Adobe Sensei đang được sử dụng để hỗ trợ sinh viên trong việc sáng tác hình ảnh, âm thanh, video một cách trực quan và hiệu quả (Anderson, 2019). Bên cạnh đó, các bảo tàng và trung tâm nghệ thuật tại Châu Âu và Bắc Mỹ cũng tích cực tổ chức triển lãm nghệ thuật do AI đồng sáng tạo, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về nghệ thuật số.

Tình hình tại Việt Nam: Tại Việt Nam, các cơ sở đào tạo nghệ thuật mới chỉ dừng lại ở mức thử nghiệm tích hợp AI trong một số học phần như thiết kế đồ họa, âm nhạc điện tử. Theo nghiên cứu của Võ Thị Bích Hương (2024), khoảng 63% sinh viên ngành mỹ thuật ứng dụng từng sử dụng công cụ AI trong học tập, song chủ yếu là tự học, thiếu định hướng rõ ràng từ chương trình chính khóa. Cơ sở vật chất, phần mềm và tài nguyên số còn hạn chế, đội ngũ giảng viên chưa được đào tạo bài bản về AI là những rào cản lớn. Ngoài ra, khung chương trình đào tạo hiện nay vẫn chưa chú trọng nhiều đến tích hợp công nghệ, nhất là đối với các ngành nghệ thuật truyền thống như hội họa, điêu khắc, sân khấu.

3.2. Cơ hội khi ứng dụng AI vào giáo dục nghệ thuật

Ứng dụng AI trong đào tạo nghệ thuật mở ra nhiều cơ hội, tiêu biểu như:

Cá nhân hóa học tập: AI cho phép phân tích hành vi học tập để từ đó thiết kế lộ trình riêng biệt, phù hợp với từng học viên (Luckin et al., 2016). Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong môi trường nghệ thuật, nơi mỗi người học đều có phong cách, thiên hướng và tốc độ phát triển riêng.

Hỗ trợ sáng tạo: Các phần mềm như Runway ML, Fotor AI giúp người học thử nghiệm ý tưởng nhanh chóng, từ đó mở rộng không gian sáng tạo (McCormack et al., 2019). AI còn có thể đóng vai trò như một cộng sự, gợi ý và mở rộng các phương án biểu đạt nghệ thuật thay vì thay thế hoàn toàn người sáng tác.

Tối ưu hóa thời gian và nguồn lực: Việc sử dụng AI để thực hiện các thao tác kỹ thuật như xử lý hình ảnh, dựng phối cảnh, biên tập âm thanh giúp giảm tải cho giảng viên và sinh viên, từ đó tập trung hơn vào tư duy sáng tạo và nội dung nghệ thuật.

Nâng cao khả năng tiếp cận: AI thúc đẩy giáo dục nghệ thuật mở và linh hoạt, mang đến cơ hội học tập cho cả những người ở vùng sâu, vùng xa

(Nguyễn Thị Kim Dung, 2022). Nhờ công nghệ, ranh giới giữa nghệ sĩ và khán giả cũng được thu hẹp, tạo điều kiện cho giao lưu văn hóa và lan tỏa giá trị nghệ thuật.

3.3. Thách thức trong tích hợp AI vào giáo dục nghệ thuật

Mặc dù có nhiều lợi ích, song việc tích hợp AI cũng đặt ra không ít vấn đề:

Thiếu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ (Ngô Minh Hải, 2023). Việc triển khai AI đòi hỏi hệ thống máy tính mạnh, phần mềm bản quyền và đường truyền internet ổn định, điều mà nhiều cơ sở đào tạo nghệ thuật hiện chưa đáp ứng được.

Đội ngũ giảng viên hạn chế kỹ năng công nghệ số (Võ Thị Bích Hương, 2024). Nhiều giảng viên nghệ thuật vẫn giữ tư duy đào tạo truyền thống, khó thích ứng với việc sử dụng công cụ số và công nghệ mới.

Vấn đề bản quyền và đạo đức sáng tạo: AI có thể mô phỏng tác phẩm nghệ thuật đã có, gây tranh cãi về tính nguyên bản và quyền sở hữu (McCormack et al., 2019). Hiện nay chưa có một khung pháp lý đầy đủ và rõ ràng về quyền tác giả đối với sản phẩm do AI tạo ra hoặc hỗ trợ tạo ra.

Nguy cơ lệ thuộc công nghệ: Nếu không có định hướng sư phạm rõ ràng, người học dễ sa vào lối mòn sáng tạo và đánh mất cá tính nghệ thuật. Ngoài ra, việc để AI chi phối quá nhiều có thể làm giảm tính nhân văn trong giáo dục nghệ thuật.

3.4. Giải pháp và khuyến nghị

Xây dựng học phần bắt buộc hoặc tự chọn về công nghệ nghệ thuật, tập trung vào AI và công cụ thiết kế số (Phan Thị Hằng, 2023). Cần có sự phối hợp giữa khoa công nghệ và khoa nghệ thuật trong thiết kế chương trình học tích hợp.

Tổ chức tập huấn định kỳ cho giảng viên về công nghệ mới. Đồng thời, khuyến khích giảng viên thực hiện các đề tài nghiên cứu kết hợp nghệ thuật và công nghệ nhằm nâng cao năng lực chuyên môn.

Đầu tư trang thiết bị, xây dựng nền tảng học tập tích hợp AI. Nhà trường nên ưu tiên xây dựng phòng học đa phương tiện, thư viện số, phòng studio sáng tạo với các công cụ AI tiên tiến.

Hoàn thiện khung pháp lý về sở hữu trí tuệ trong sáng tạo nghệ thuật kỹ thuật số. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc ban hành quy định về đạo đức và bản quyền trong môi trường nghệ thuật số.

Thúc đẩy hợp tác liên ngành giữa các cơ sở đào tạo nghệ thuật với doanh nghiệp công nghệ. Việc tổ chức các cuộc thi sáng tạo kết hợp nghệ thuật – AI cũng là cách để sinh viên vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

IV. KẾT LUẬN

Trí tuệ nhân tạo không chỉ là xu thế mà là đòn bẩy quan trọng cho đổi mới giáo dục nghệ thuật trong kỷ nguyên số. Khi được ứng dụng đúng

cách, AI có thể góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo, khơi dậy năng lực sáng tạo và mở rộng cơ hội tiếp cận nghệ thuật cho đông đảo người học. Tuy nhiên, để AI thực sự phát huy hiệu quả trong lĩnh vực giáo dục nghệ thuật, cần một chiến lược tích hợp tổng thể, bền vững và nhân văn. AI chỉ thực sự hữu ích khi được đặt trong tay những người có tư duy sáng tạo, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần đổi mới không ngừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, C. (2019). *Artificial Intelligence and the Arts: Toward Computational Creativity*. Springer.
- McCormack, J., Gifford, T., & Hutchings, P. (2019). Autonomy, Authenticity, Authorship and Intention in Computer Generated Art. *Proceedings of the 2019 ACM Conference on Creativity and Cognition*.
- Luckin, R. et al. (2016). *Intelligence Unleashed: An argument for AI in Education*. Pearson Education.
- Phan Thị Hằng. (2023). Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục nghệ thuật: Tiềm năng và thách thức. *Tạp chí Nghệ Thuật và Cuộc Sống*, số 5, tr. 24-30.
- Võ Thị Bích Hương (2024). Ứng dụng AI trong giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam: Thực trạng và đề xuất. *Tạp chí Tâm lý - Giáo dục*, số 28, tr. 45-52.
- Ngô Minh Hải (2023). Tác động của AI tới nghệ thuật thị giác. *Tạp chí Văn hóa và Nghệ thuật*, số 12, tr. 40-46.
- Nguyễn Thị Kim Dung (2022). Dạy học trong kỷ nguyên số: Vai trò của trí tuệ nhân tạo. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 17, tr. 15-21.